

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 321/2017/DS-ST

Ngày: 23/8/2017

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Ánh Minh

2/ Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lưu Thị Ngọc Hương - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2016/TLST-DS ngày 16 tháng 12 năm 2016, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra 345/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm 1973

Thường trú: số 80, đường Đ, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(có mặt)

2/ Bị đơn: Ông Kiều Minh L, sinh năm 1980

Thường trú: 1173/13 đường T, khu phố 2, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

3/ Người có quyền L và nghĩa vụ liên quan:

Ông Phạm Mạnh C, sinh năm 1970

Tạm trú: số 6/10 đường A, khu phố 2, phường L, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh

(vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 08/12/2016 và lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thùy L tại các bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ, biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa:

Ngày 22/5/2015, bà có cho ông Kiều Minh L vay số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng, lãi suất thỏa thuận nhưng hai bên không ghi thỏa thuận một mức lãi cụ thể nào, thời hạn vay đến ngày 22/9/2015. Để bảo đảm cho khoản vay thì ông Kiều Minh L có đưa cho bà bản chính giấy chứng minh Công an nhân dân số H mang tên Kiều Minh L do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2008. Khi viết giấy vay tiền thì bà không trực tiếp đứng tên cho vay mà thông qua ông Phạm Mạnh C (là bạn của bà) do bà tin tưởng ông C nên để cho ông C là người đứng tên cho vay. Bà đưa tiền cho ông Phạm Mạnh C giao cho ông Kiều Minh L nên ông Kiều Minh L ghi vay của ông Phạm Mạnh C. Đến ngày 03/12/2015, ông Kiều Minh L đã viết lại giấy vay nợ nội dung thể hiện vay của bà 175.000.000 (một trăm bảy mươi lăm triệu) đồng và hẹn đến ngày 03/02/2016 sẽ trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, số còn lại hẹn đến 03/4/2016 sẽ trả hết cho bà và giấy vay tiền này thay thế giấy vay tiền của ông Phạm Mạnh C. Thực tế giấy vay tiền ngày 03/12/2015 bà không cho ông Kiều Minh L vay mà chỉ là viết lại của giấy vay tiền ngày 22/5/2015 mà ông Kiều Minh L đã viết vay của ông Phạm Mạnh C, thực tế bà chỉ cho ông Kiều Minh L vay 100.000.000 (một trăm triệu) đồng. Từ ngày cho ông L vay tiền cho đến nay, ông Kiều Minh L chưa trả cho bà tiền lãi và tiền gốc. Ông Kiều Minh L trình bày đã trả cho bà 35.000.000 (Ba mươi lăm) triệu đồng tiền lãi là không đúng. Bà chưa nhận một đồng nào từ ông Kiều Minh L. Quá thời hạn vay tiền nhưng ông Kiều Minh L vẫn không trả nợ cho bà nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Kiều Minh L trả lại cho bà số tiền đã vay là 100.000.000 (một trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà không yêu cầu trả lãi. Khi ông Kiều Minh L trả tiền cho bà thì bà sẽ trả lại cho ông Kiều Minh L giấy chứng minh Công an nhân dân số H của ông Kiều Minh L. Số tiền cho ông Kiều Minh L vay là tài sản riêng của bà không liên quan đến ai khác và bà cũng chỉ yêu cầu cá nhân ông Kiều Minh L trả tiền cho bà.

* Ông Kiều Minh L trình bày tại bản tự khai:

Ông xác định ngày 22/5/2015, ông có viết giấy vay của bà Nguyễn Thị Thùy L 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Tuy nhiên trên giấy vay tiền ghi là vay của ông Phạm Mạnh C nên sau đó ông đã viết lại giấy vay nợ là vay của bà Nguyễn Thị Thùy L và ghi giấy vay này thay thế giấy vay của ông Phạm Mạnh C. Quá trình vay ông đã trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L 35.000.000 (Ba mươi lăm triệu) đồng tiền lãi nhưng không có chứng cứ gì và không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền này. Nay ông đồng ý trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng nhưng hiện ông có khó khăn về kinh tế nên ông đề nghị mỗi tháng trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L từ 3.000.000 (ba triệu) đồng đến 5.000.000 (năm triệu) đồng cho đến khi trả hết nợ.

Ông Phạm Mạnh C đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo bổ sung về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản nên căn cứ Khoản 3 Điều 26, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Kiều Minh L cư trú tại quận T nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Ông Kiều Minh L và ông Phạm Mạnh C vắng mặt không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L về việc yêu cầu ông Kiều Minh L trả số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng: Căn cứ vào giấy vay tiền ngày 22/5/2015 ông Kiều Minh L đã ghi: *“tôi có mượn của anh Phạm Mạnh C, sinh năm 1970 số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Và, giấy vay tiền ngày 03/12/2015 ông Kiều Minh L đã ghi “vào ngày 03/12/2015 tôi có mượn của chị Nguyễn Thị Thùy L...số tiền 175.000.000đồng... giấy mượn tiền này thay thế giấy mượn tiền trước đó tôi đã viết mượn tiền của anh C với số tiền 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng”.*

Đồng thời ông Kiều Minh L xác nhận có vay của bà Nguyễn Thị Thùy L 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng và đồng ý trả số tiền này cho bà Nguyễn Thị Thùy L. Từ đó, có cơ sở xác định ông Kiều Minh L đã vay của bà Nguyễn Thị Thùy L 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng vào ngày 22/5/2015 với hình thức giấy vay tiền ngày 22/5/2015 với tên người cho vay là ông Phạm Mạnh C. Xét hình thức và nội dung thoả thuận của các bên tại các giấy vay tiền là phù hợp với quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2005 nên đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên.

Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án, ông Kiều Minh L đồng ý trả số tiền còn nợ cho bà Nguyễn Thị Thùy L, ông chỉ đề nghị được trả mỗi tháng từ 3.000.000 (ba triệu) đồng đến 5.000.000 (năm triệu) đồng. Tuy nhiên, đề nghị này của ông Kiều Minh L không được bà Nguyễn Thị Thùy L đồng ý nên không có cơ sở xem xét.

Tại giấy vay tiền ngày 03/12/2015 các bên thoả thuận như sau: *“hẹn đến ngày 03/02/2016 sẽ hoàn trả trước 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, số còn lại hẹn đến 03/4/2016 sẽ trả hết”.* Căn cứ vào thoả thuận này thì ông Kiều Minh L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, quá hạn không thanh toán nên nay bà Nguyễn Thị Thùy L khởi kiện yêu cầu ông Kiều Minh L trả 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tiền lãi: ông Kiều Minh L trình bày có trả cho bà Nguyễn Thị Thùy L 35.000.000 (ba mươi lăm triệu) đồng tiền lãi nhưng không có tài liệu chứng cứ để chứng minh và ông L cũng không yêu cầu Tòa án tính lại số tiền này. Bà Nguyễn Thị Thùy L không yêu cầu trả lãi, chỉ yêu cầu trả lại số tiền đã cho vay. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[5] Bà Nguyễn Thị Thùy L hiện đang giữ bản chính giấy chứng minh Công an nhân dân số H của ông Kiều Minh L do ông L giao cho bà để làm tin trong quá trình vay

tiền. Xét việc ông L giao và bà L nhận giấy chứng minh Công an nhân dân này là không phù hợp với quy định của pháp luật nên buộc bà Nguyễn Thị Thùy L trả lại cho ông Kiều Minh L bản chính giấy chứng minh Công an nhân dân số H mang tên Kiều Minh L do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2008 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về án phí: Do yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thùy L được chấp nhận nên ông Kiều Minh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn tiền tạm ứng án phí cho bà Nguyễn Thị Thùy L.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Buộc ông Kiều Minh L có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền 100.000.000 (một trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Thùy L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Kiều Minh L vi phạm nghĩa vụ nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Thùy L trả lại cho ông Kiều Minh L bản chính giấy chứng minh Công an nhân dân số H mang tên Kiều Minh L do Công an Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 22/12/2008 ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí:

Ông Kiều Minh L phải nộp 5.000.000 (Năm triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị Thùy L số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng bà Nguyễn Thị Thùy L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0014511 ngày 16/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức.

3/ Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự,

người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;

TÒA

- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy

Nơi nhận:
THẨM

- Tòa án nhân dân TP.HCM;

TÒA

- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Thị Lệ Thủy